

Số: 443/QĐ-UBND

Cẩm Giàng, ngày 27 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt, cấp bổ sung kinh phí để thực hiện
chế độ tiền thưởng năm 2024**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 62/2024/TT-BTC ngày 20/8/2024 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP, điều chỉnh trợ cấp đối với cán bộ xã nghỉ việc theo Nghị định 75/2024/NĐ-CP của chính phủ;

Căn cứ Quyết định số: 3316/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Hải Dương về việc bổ sung kinh phí chế độ tiền thưởng năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số: 392 /TTr-TCKH ngày 26 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn cụ thể như sau:

1. Tổng nhu cầu kinh phí để thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024: **12.023.393.000 đồng**. (Mười hai tỷ không trăm hai mươi ba triệu ba trăm chín mươi ba nghìn đồng)

2. Nguồn kinh phí để thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024: **12.023.393.000 đồng**

Trong đó:

- Nguồn kinh phí để thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024 tại đơn vị: (Nguồn kinh phí CCTL tại đơn vị): 6.244.935.000 đồng.

- Nguồn kinh phí ngân sách huyện bổ sung để thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024 (Nguồn kinh phí thực hiện CCTL ngân sách huyện các năm chuyển nguồn sang năm 2024): 5.061.858.000 đồng.

- Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh bổ sung để thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024 (Từ nguồn cải cách tiền lương cấp tỉnh năm 2024) cho các xã, thị trấn : 716.600.000 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Việc cấp phát, thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo đúng quy định của chế độ quản lý tài chính hiện hành; Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm hướng dẫn kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, TCKH.

CHỦ TỊCH



Trần Văn Quyết

PHỤ LỤC

NHU CẦU VÀ NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ TIỀN THƯỞNG NĂM 2024 KHỐI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC

(Kèm theo Quyết định số: 144/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Cẩm Giàng).

ĐVT: 1.000 đồng

ST T	TÊN ĐƠN VỊ	Nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024	Nguồn kinh phí để thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024			Ghi chú
			Tổng cộng:	Nguồn học phí để thực hiện cải cách tiền lương để lại đơn vị các năm chưa sử dụng chuyển sang	Nguồn kinh phí ngân sách huyện bổ sung	
A	B	I	2=3+4	3	4	
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV):	9.726.589	9.726.589	5.514.896	4.211.693	
I	KHỐI THCS	3.083.746	3.083.746	2.971.633	112.113	
1	Cẩm Hưng	120.183	120.183	120.183	-	
2	Ngọc Liên	173.773	173.773	173.773	-	
3	Cẩm Giang	195.479	195.479	195.479	-	
4	Thạch Lỗi	91.541	91.541	53.566	37.975	
5	Lương Điền	208.578	208.578	208.578	-	
6	Định Sơn	183.475	183.475	183.475	-	
7	Cẩm Hoàng	168.943	168.943	160.000	8.943	
8	Cẩm Vũ	172.046	172.046	172.046	-	
9	Cẩm Văn	146.142	146.142	146.142	-	
10	Đức Chính	160.084	160.084	138.498	21.586	
11	Cao An	191.239	191.239	191.239	-	
12	Lai Cách	207.989	207.989	207.989	-	
13	Cẩm Đoài	110.200	110.200	90.980	19.220	
14	Cẩm Đông	158.371	158.371	158.371	-	
15	Tân Trường	261.734	261.734	261.734	-	
16	Cẩm Phúc	191.786	191.786	191.786	-	
17	Cẩm Điền	122.274	122.274	122.274	-	
18	Nguyễn Huệ	219.909	219.909	195.520	24.389	
II	KHỐI TIỂU HỌC	3.635.321	3.635.321	-	3.635.321	
1	Cẩm Hưng	149.442	149.442		149.442	
2	Ngọc Liên	185.946	185.946		185.946	
3	Cẩm Giang	200.463	200.463		200.463	
4	Thạch Lỗi	92.229	92.229		92.229	
5	Định Sơn	237.711	237.711		237.711	
6	Lương Điền	282.007	282.007		282.007	
7	Cẩm Hoàng	183.756	183.756		183.756	

ST T	TÊN ĐƠN VỊ	Nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024	Nguồn kinh phí để thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024			Ghi chú
			Tổng cộng:	Nguồn học phí để thực hiện cải cách tiền lương để lại đơn vị các năm chưa sử dụng chuyển sang	Nguồn kinh phí ngân sách huyện bổ sung	
A	B	I	2=3+4	3	4	
8	Cầm Vũ	182.520	182.520		182.520	
9	Cầm Văn	210.502	210.502		210.502	
10	Đức Chính	172.299	172.299		172.299	
11	Cao An	210.839	210.839		210.839	
12	Lai Cách	375.654	375.654		375.654	
13	Cầm Đoài	151.239	151.239		151.239	
14	Cầm Đông	202.892	202.892		202.892	
15	Tân Trường 1	268.178	268.178		268.178	
16	Tân Trường 2	126.837	126.837		126.837	
17	Cầm Phúc	241.853	241.853		241.853	
18	Cầm Điền	160.954	160.954		160.954	
III	KHỐI MÀM NON	2.882.159	2.882.159	2.417.900	464.259	
1	Cầm Hưng	140.330	140.330	120.600	19.730	
2	Ngọc Liên	163.454	163.454	147.560	15.894	
3	Cầm Giang	172.523	172.523	140.360	32.163	
4	Thạch Lỗi	87.413	87.413	54.600	32.813	
5	Định Sơn	238.287	238.287	180.600	57.687	
6	Lương Điền	202.499	202.499	200.000	2.499	
7	Cầm Hoàng	164.872	164.872	132.200	32.672	
8	Cầm Vũ	160.505	160.505	145.800	14.705	
9	Cầm Văn	160.323	160.323	114.600	45.723	
10	Đức Chính	147.757	147.757	100.380	47.377	
11	Cao An	174.096	174.096	158.000	16.096	
12	Lai Cách	233.064	233.064	209.800	23.264	
13	Cầm Đoài	125.307	125.307	56.600	68.707	
14	Cầm Đông	155.661	155.661	130.200	25.461	
15	Tân Trường	247.118	247.118	244.200	2.918	
16	Cầm Phúc	186.802	186.802	181.400	5.402	
17	Cầm Điền	122.148	122.148	101.000	21.148	
IV	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Cẩm Giàng	125.363	125.363	125.363		

Bảng chữ: Chín tỷ bảy trăm hai mươi sáu triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng